

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/ 2024/HS-ST

Ngày 06/11 /2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thủy

Bà Trịnh Thị Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/ 2024/QĐXXST- HS ngày 23/ 10/ 2024 đối với các bị cáo:

1. Thiều Quang Đ, sinh ngày 14/10/1992; Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu: 038092006715; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Thiều Quang B, sinh năm 1960; Con bà: Hạ Thị N, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thị H, Phạm Hồng N1 (đều đã ly hôn); có 03 con; lớn sinh năm 2013; nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2024 đến ngày 05/7/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Hồng H1, sinh ngày 29/01/1997; Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu: 038097003162; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Số nhà C D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hồng L, sinh năm 1977; Con bà: Lê Thị H2, sinh năm 1977; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2013 bị Công an phường T, Thành phố T xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2024 đến ngày 05/7/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Nho N2, sinh ngày 26/12/1989; Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu: 038089021825; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn R, huyện Đ,

tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Nho T, sinh năm 1962; Con bà: Lê Thị N3, sinh năm 1958; Vợ: Lê Thị H3 (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 09/4/2024 bị Công an thị trấn R xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã nộp tiền phạt ngày 26/4/2024.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2024 đến ngày 05/7/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Văn B1, sinh ngày 25/3/1991; Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu: 038091008116; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn B2, sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1996; Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 18/03/2017 bị công an huyện T xử lý hành chính về hành vi xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe của người khác (đã nộp xong ngày 26/5/2017), ngày 27/12/2018 bị TAND huyện Yên Định xử 15 tù về tội cố ý gây thương tích. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2019.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2024 đến ngày 05/7/2024 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

Bà Hạ Thị N, sinh năm 1961; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đăng D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 17 giờ 30 ngày 27/6/2024 Thiệu Quang Đ, Phạm Hồng H1 và Nguyễn Đăng D, sinh năm 1985 ở khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa sau khi đi uống bia về đã đến nhà D chơi. Tại nhà D, Thiệu Quang Đ dùng số điện thoại 0343210184 gọi vào số điện thoại 0981655164 của Phạm Văn B1 để hỏi mua ma túy hồng phiến. B1 nghe máy đồng ý và nói Đ chuyển tiền vào số tài khoản 9704229202936669394 Viettel Money của B1 (đây là số tài khoản liên kết với ngân hàng M4). Do không có tiền nên Đ hỏi H1 có còn tiền không để mua ma túy về sử dụng, H1 kiểm tra tài khoản còn hơn 300.000 đồng. Đ liền gọi

cho B1 nói để nhờ bạn chuyển tiền, rồi Đ nói H1 chuyển 320.000 đồng vào tài khoản của B1. H1 dùng số tài khoản 9899627678 ngân hàng V chuyển tiền cho B1. Thấy tài khoản có tiền chuyển đến, B1 biết là Đ chuyển tiền mua ma túy nên đã lấy hai viên ma túy hồng phiến để ở phòng của B1 bỏ vào vỏ bao thuốc lá Thăng L1 rồi cầm bao thuốc lá và đi bộ ra ngã tư đường giao nhau giữa đường tránh phía tây với đường K. Thị trấn R, huyện Đ. B1 để bao thuốc lá có ma túy ở lề đường bên trái theo hướng từ đường T, thị trấn R đi ra đường tránh phía tây. Sau đó B1 gọi cho Đ nói để ma túy trong vỏ bao thuốc lá Thăng L1 và nói vị trí để ma túy cho Đ đến lấy rồi đi về nhà. Sau khi B1 gọi điện Đ rủ H1 cùng đi lấy ma túy, Đ dùng xe máy biển kiểm soát 36H8-3453 chở H1 đi lên chỗ B1 để ma túy thì thấy có vỏ bao thuốc Thăng Long, Đ mở ra thấy bên trong có hai viên ma túy hồng phiến. Đ cầm vỏ bao thuốc lá Thăng L1 có ma túy rồi chở H1 về nhà D nhưng nhà D khoá cửa, Đ gọi D không được. Nên đèo H1 lên nhà N2 ở khu phố X, thị trấn R, huyện Đ. Khi đến nhà Đ gặp N2 đi từ nhà hàng xóm về. Đ nói với N2 vừa mua hai viên ma túy hồng phiến của B1 và đặt vấn đề cho Đ và H1 vào nhà N2 để sử dụng ma túy và rủ N2 sử dụng cùng, N2 đồng ý. Đ nói N2 đi lấy chai nhựa rồi dẫn H1 đi vào phòng ngủ của N2. N2 đi ra ngoài bồn cây trước nhà lấy một vỏ chai nhựa đem vào phòng đưa cho Đ. Đ cầm chai nhựa và lấy điều thuốc lá đang hút châm vào giữa chai tạo một lỗ nhỏ rồi lấy nước ở trong bình để ở phòng đổ một ít vào chai. Tiếp đó Đ lấy tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng của Đ cuộn lại nhét vào lỗ chai nhựa vừa tạo để chế bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Chế xong bộ dụng cụ, Đ lấy hai viên ma túy để lên đệm. N2 thấy vậy thì lấy cuộn giấy bạc nhỏ để ở cầu thang, xé một mảnh nhỏ bỏ một viên ma túy lên tờ giấy bạc, dùng bật lửa của Nam đốt rồi dùng bộ dụng cụ Đ vừa chế để hút ma túy. Sau khi N2 sử dụng ma túy xong, N2 đốt cho Đ và H1 cùng sử dụng. Cả ba sử dụng hết hai viên ma túy thì ngồi nói chuyện một lúc sau đó Đ chở H1 đi về.

Đến ngày 28/7/2024 khi Đ, H1, D đang ở nhà D thì Công an huyện Đ và công an thị trấn R đến làm việc. Trong quá trình làm việc do nghi vấn có việc sử dụng ma túy nên ngày 29/6/2024 cơ quan Công an đã tiến hành test nước tiểu đối với Đ, H1, D, N2 và B1. Kết quả, D âm tính với ma túy; Đ, N2, Bình dương T2 với M1; Hải dương tính với M1 và cần sa.

Ngày 29/6/2024 Đ và H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xin tự thú về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và khai về hành vi phạm tội của N2 và B1. Cùng ngày N2, B1 đã xin đầu thú đối với hành vi phạm tội của mình.

Ngày 30/6/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp tại gia đình nhà N2 và thu giữ những đồ vật gồm:

01 (một) cuộn giấy bạc; 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có một lỗ nhỏ ở giữa chai gắn tờ tiền mệnh giá 1000 đồng bên trong có chứa dung dịch nước, Đây là những dụng cụ N2, H1, Đ sử dụng để sử dụng ma túy.

Ngày 29/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trung cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định 01 (một) chai nhựa ở giữa chai có một lỗ nhỏ trong chai có chứa dung dịch nước đựng trong hộp giấy kín niêm phong.

Tại Bản kết luận giám định số 2482/KL-KTHS ngày 02/7/2024 của phòng K Công an tỉnh T kết luận:

“Tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine trong mẫu dung dịch nước niêm phong gửi giám định”.

Về vật chứng:

+ 01 (một) cuộn giấy bạc; 01 (một) bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có một lỗ nhỏ ở giữa chai gần tờ tiền mệnh giá 1000đ, trong có chứa dung dịch nước, thu giữ khi khám xét nhà bị cáo N2. Đây là các dụng cụ các bị cáo N2, H1, Đ sử dụng để sử dụng ma túy;

+ 01 điện thoại Iphone 11 promax màu vàng đã qua sử dụng có gắn sim 0853651991; 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng có gắn sim 0981655164, thu giữ của bị cáo B1. Đây là điện thoại bị cáo B1 sử dụng để cài tài khoản Viettel Money và liên lạc với bị cáo Đ để mua bán ma túy;

+ 01 điện thoại iphone 6S Plus màu xám đã qua sử dụng của bị cáo H1. Đây là điện thoại bị cáo H1 sử dụng để chuyển tiền mua ma túy.

+ 01 điện thoại Realme màu xanh đã qua sử dụng có gắn sim số 0343210184, thu giữ của bị cáo Đ. Đây là điện thoại bị cáo Đ sử dụng để liên lạc với bị cáo B1 để mua ma túy.

+ Số tiền 320.000 đồng (đây là số tiền Bình bán ma túy cho Đ và H1)

Số vật chứng trên hiện đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe máy biển kiểm soát 36H8-3453 Đ sử dụng để chở H1 đi mua ma túy và chở H1 đến nhà N2 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Qua điều tra, xác định đây là xe của bà Hạ Thị N (mẹ Đ). Xe máy này Đ mượn của bà N để đi, bà N không biết việc Đ sử dụng xe máy để đi mua ma túy và đi đến nhà N2 sử dụng ma túy. Khi Đ tự thú thì xe máy Đ đã trả lại cho bà N, nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe máy trên.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSĐS ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2 về tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Văn B1 về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2

phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, bị cáo Phạm Văn B1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự; xử phạt: Thiệu Quang Đ từ 07 (B) năm 06 (S) tháng tù đến 08 (T3) năm tù.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Bộ luật hình sự; xử phạt: Phạm Hồng H1 từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù đến 07 (B) năm 06 tháng tù.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Lê Nho N2 từ 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù đến 07 (B) năm 06 tháng tù.

Căn cứ: khoản 1 Điều 251 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt: Phạm Văn B1 từ 27 (Hai bảy) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 320.000đ là tiền Phạm Văn Bình bán ma túy.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 1.000đ các bị cáo dùng sử dụng ma túy.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu xám đã qua sử dụng, màn hình máy đã nứt vỡ, đây là điện thoại bị cáo H1 sử dụng để chuyển tiền mua ma túy; 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0981655164; đây là điện thoại của bị cáo B1 sử dụng để liên lạc với bị cáo Đ để bán ma túy;

Đối với 01 điện thoại 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng đã qua sử dụng, có gắn sim số 0853651991 màn hình bị nứt ở phía dưới, quá trình điều tra bị cáo B1 và bà Nguyễn Thị T1 khai nhận là điện thoại của bà T1 cho B1 mượn. Tuy nhiên bà T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh là điện thoại của mình. Vì vậy khẳng định là điện thoại của bị cáo B1 sử dụng để cài tài khoản Viettel M2 và nhận tiền bán ma túy nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy được gói kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Mai Văn M3, Nguyễn Trần Đ1 và các hình giấu của phòng K Công an tỉnh T bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong và 60ml dung dịch nước đựng trong chai nhựa là mẫu vật sau giám định; 01 cuộn giấy bạc; 01 bật lửa ga đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 điện thoại Realme màu xanh đã qua sử dụng, có gắn sim số 0343210184 là do chị Thiệu Thị H4 (con gái bà Hạ Thị N) mua tại điện máy xanh (chị H4 có hoá đơn thanh toán chuyển khoản tiền mua điện thoại) cho bà N, bà N

cho bị cáo Đ mượn nhưng không biết Đ sử dụng vào việc gọi điện mua ma túy vì vậy trả lại cho bà Hạ Thị N.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 30 ngày 27/6/2024 sau khi đi uống bia Thiệu Quang Đ, Phạm Hồng H1 và Nguyễn Đăng D về nhà D ở khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa chơi. Tại đây Đ gọi điện thoại cho Phạm Văn B1 để hỏi mua ma túy hồng phiến, B1 nói với Đ chuyển tiền vào số tài khoản 9704229202936669394 Viettel Money của B1, do không có tiền nên Đ hỏi H1 có còn tiền không để mua ma túy về sử dụng, H1 dùng số tài khoản 9899627678 ngân hàng V chuyển tiền cho B1. Thấy tài khoản có tiền chuyển đến, B1 biết là Đ chuyển tiền mua ma túy nên đã lấy hai viên ma túy hồng phiến để ở phòng của B1 bỏ vào vỏ bao thuốc lá Thăng L1 và để ở kệ đường bên trái theo hướng từ đường T, thị trấn R đi ra đường tránh phía tây. Sau đó B1 gọi cho Đ đến lấy. Sau khi B1 gọi điện Đ chờ H1 đi lấy túy rồi chờ H1 về nhà D không gặp D nên đèo H1 lên nhà N2 ở khu phố X, thị trấn R, huyện Đ. Khi đến nhà N2, Đ rủ N2 sử dụng cùng, N2 đồng ý và đi ra ngoài bồn cây trước nhà lấy một vỏ chai nhựa đem vào phòng đưa cho Đ. Đ cầm chai nhựa và lấy điều thuốc lá đang hút châm vào giữa chai tạo một lỗ nhỏ rồi lấy nước ở trong bình để ở phòng đổ một ít vào chai. Tiếp đó Đ lấy tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng của Đ cuộn lại nhét vào lỗ chai nhựa vừa tạo để chế bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Chế xong bộ dụng cụ, Đ lấy hai viên ma túy để lên đệm. N2 thấy vậy thì lấy cuộn giấy bạc nhỏ để ở cầu thang, xé một mảnh nhỏ bỏ một viên ma túy lên tờ giấy bạc, dùng bật lửa của Nam đốt rồi dùng bộ dụng cụ Đ vừa chế để hút ma

tuý. Sau khi N2 sử dụng ma túy xong, N2 đốt cho Đ và H1 cùng sử dụng. Cả ba sử dụng hết hai viên ma túy thì ngồi nói chuyện một lúc sau đó Đ chở H1 đi về.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Văn B1 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy, các bị cáo nhận thức rõ về tác hại của ma túy nhưng vẫn cố ý tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mặt khác hành vi phạm tội của bị cáo còn gây tác hại đến nhiều mặt của đời sống xã hội vì vậy cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” các bị cáo thực hiện mang tính đồng phạm giản đơn, Thiều Quang Đ là người gọi điện thoại cho Phạm Văn B1 để hỏi mua ma túy và bảo H1 chuyển tiền cho B1, sau khi mua được ma túy Đ đã bảo N2 cho vào nhà và rủ N2 cùng sử dụng nên giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo H1 là người trả tiền, bị cáo N2 là người cho các bị cáo vào nhà và chuẩn bị dụng cụ để tổ chức sử dụng ma túy nên chịu trách nhiệm ngang nhau sau bị cáo Đ. Đối với bị cáo B1 là người bán ma túy nên chịu trách nhiệm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2 và Phạm Văn B1 đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; sau khi phạm tội Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1 đến cơ quan điều tra tự thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Phạm Văn B1, Lê Nho N2 đến cơ quan điều tra đầu thú, Lê Nho N2 có ông nội là liệt sĩ, Phạm Hồng H1 có ông ngoại là người có công đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cần quyết định hình phạt tương xứng đối với các bị cáo; bị cáo Đ có vai trò chính trong vụ án nên chịu hình phạt cao hơn bị cáo N2 và H1; bị cáo H1, bị cáo N2 có vai trò ngang nhau nhưng bị cáo H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên chịu hình

phạt thấp hơn bị cáo N2, bị cáo B1 chịu hình phạt theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 320.000đ là tiền Phạm Văn Bình B3 ma túy, số tiền này đang tạm giữ tại tài khoản 3949.0.1054980.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước tỉnh T.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 1.000đ các bị cáo dùng sử dụng ma túy.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu xám đã qua sử dụng, màn hình máy đã nứt vỡ, đây là điện thoại bị cáo H1 sử dụng để chuyển tiền mua ma túy; 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0981655164; đây là điện thoại của bị cáo B1 sử dụng để liên lạc với bị cáo Đ để bán ma túy;

Đối với 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng đã qua sử dụng, có gắn sim số 0853651991 màn hình bị nứt ở phía dưới, quá trình điều tra bị cáo B1 và bà Nguyễn Thị T1 khai nhận là điện thoại của bà T1 cho B1 mượn. Tuy nhiên bà T1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh là điện thoại của mình. Vì vậy khẳng định là điện thoại của bị cáo B1 sử dụng để cài tài khoản Viettel M2 và nhận tiền bán ma túy nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy được gói kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Mai Văn M3, Nguyễn Trần Đ1 và các hình giầu của phòng K Công an tỉnh T bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong và 60ml dung dịch nước đựng trong chai nhựa là mẫu vật sau giám định; 01 cuộn giấy bạc; 01 bật lửa ga đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 điện thoại Realme màu xanh đã qua sử dụng, có gắn sim số 0343210184 là do chị Thiều Thị H4 (con gái bà Hạ Thị N) mua tại điện máy xanh (chị H4 có hoá đơn thanh toán chuyển khoản tiền mua điện thoại) cho bà N, bà N cho bị cáo Đ mượn nhưng không biết Đ sử dụng vào việc gọi điện mua ma túy vì vậy trả lại cho bà Hạ Thị N.

Số vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2024 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Thiều Quang Đ.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Nho N2.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hồng H1.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 251 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn B1.

Tuyên bố: Các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” bị cáo Phạm Văn B1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Thiều Quang Đ 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2024.

Bị cáo Lê Nho N2 07 (Bảy) năm) 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2024.

Bị cáo Phạm Hồng H1 07 (Bảy) năm) 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2024.

Bị cáo Phạm Văn B1 29 (Hai chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/6/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 320.000đ là tiền Phạm Văn Bình B3 ma túy, số tiền này đang tạm giữ tại tài khoản 3949.0.1054980.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại kho bạc Nhà nước tỉnh T, theo biên lai thu tiền ký hiệu: BLTT/23 số 0000944 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 1.000đ.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu xám đã qua sử dụng, màn hình máy đã nứt vỡ; 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng đã qua sử dụng, có gắn sim số 0853651991 màn hình bị nứt ở phía dưới; 01 điện thoại Nokia bàn phím màu đen đã qua sử dụng, có gắn sim số 0981655164;

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp giấy được gián kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Mai Văn M3, Nguyễn Trần Đ1 và các hình giầu của phòng K Công an tỉnh T bên trong có toàn bộ bao gói mở niêm phong và 60ml dung dịch nước đựng trong chai nhựa là mẫu vật sau giám định; 01 cuộn giấy bạc; 01 bật lửa ga đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bà Hạ Thị N 01 điện thoại Realme màu xanh đã qua sử dụng, có gắn sim số 0343210184.

Số vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2024 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Các bị cáo Thiều Quang Đ, Phạm Hồng H1, Lê Nho N2, Phạm Văn B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- Thi hành án Đông Sơn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Cao Văn Tuấn